

Bộ, tỉnh: Tỉnh Khánh Hòa
Cơ quan quản lý cấp trên:
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Thống kê Tỉnh Khánh Hòa
Mã đơn vị: 1162787
Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẴM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2025

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
II	Tài sản giao mới						76.692.439						
1	Đất khuôn viên						36.937.010						
	Đất CCTK Bắc Ái	Khuôn viên	1				67.200						
	Đất CCTK Ninh Phước	Khuôn viên	1				132.384						
	Đất CCTK PR	Khuôn viên	1				247.830						
	Đất CCTK Thuận Bắc	Khuôn viên	1				391.842						
	Đất Cục	Khuôn viên	1				3.899.040						
	Giá trị đất cơ quan Cục Thông kê	Khuôn viên	1				30.018.458						
	Giá trị quyền sử dụng đất Chi cục Thống kê huyện Cam Lâm	Khuôn viên	1				829.920						
	Giá trị quyền sử dụng đất Chi cục Thống kê huyện Vạn Ninh	Khuôn viên	1				1.350.336						
2	Nhà						28.115.767						
	Nhà làm việc CCTK huyện Cam Lâm	Cái	1				3.500.600						
	Nhà làm việc CCTK Ninh Phước	Cái	1				2.949.893						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Nhà làm việc CCTK Ninh Sơn		1				2.057.701						
	Nhà làm việc Chi cục Bắc Ái	Cái	1				492.370						
	Nhà làm việc Chi cục TK Vạn Ninh	Cái	1			2015	1.240.271	Chỉ định thầu					
	Nhà làm việc cơ quan Cục	Cái	1				379.884	Chỉ định thầu					
	Nhà làm việc cơ quan Cục	Cái	1			1999	20.418	Chỉ định thầu					
	Nhà làm việc cơ quan Cục	Cái	1			1999	800.000	Chỉ định thầu					
	Nhà làm việc cơ quan Cục	Cái	1			1997	3.486.867	Chào hàng cạnh tranh					
	Nhà làm việc cơ quan Cục	Cái	1				800.000						
	Nhà làm việc cơ quan Cục	Cái	1			1999	100.000	Chỉ định thầu					
	Nhà làm việc cơ quan Cục	Cái	1			1999	53.422	Chỉ định thầu					
	Nhà làm việc Cục Thống kê	Cái	1				5.700.770						
	NLV CCTK TP Phan Rang - Tháp Chàm	Cái	1				3.381.950						
	Tbạc	Cái	1				3.151.621						
3	Xe ô tô						1.893.331						
	Ô tô 7 chỗ	Cái	1	TOYOTA			1.142.900						
	Xe ô tô Toyota Innova G	Cái	1	TOYOTA	Việt Nam	2010	750.431	Chỉ định thầu					
4	Tài sản cố định khác						9.746.331						
	Bàn ghe lam viec	Cái	1		VN	2016	20.000						
	Bàn họp ô van 30 chỗ		1	Hoà Phát			26.250						
	Bàn ghế	Cái	1		VN	2014	28.500						
	Bộ bàn ghế phòng họp Cục	bộ	1				39.000						
	Bộ bàn ghế tiếp khách	bộ	1				19.580						
	Bộ bàn ghế tiếp khách	bộ	1				17.710						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Bộ bàn ghế tiếp khách	bộ	1				12.500						
	Bộ bàn ghế tiếp khách	bộ	1				19.580						
	Bộ bàn ghế tiếp khách	bộ	1				10.650						
	Bộ bàn ghế tiếp khách	bộ	1				19.800						
	Bộ bàn họp của CCCL	bộ	1				15.268						
	Bộ bàn họp của CCDK	bộ	1				14.080						
	Điều hoà nhiệt độ		1		VN	2012	20.312						
	Điều hoà nhiệt độ		1		VN	2012	13.904						
	Điều hoà nhiệt độ		1		VN	2012	12.125						
	Điều hòa nhiệt độ		1				11.937						
	Điều hòa nhiệt độ		1				11.937						
	Điều hòa nhiệt độ		1				11.938						
	Điều hòa nhiệt độ		1				11.938						
	Điều hòa nhiệt độ		1				11.937						
	Điều hòa nhiệt độ		1				11.937						
	Điều hòa nhiệt độ		1				11.937						
	Điều hòa nhiệt độ		1				11.938						
	Điều hòa nhiệt độ		1				11.937						
	Gia hạn bản quyền tường lửa		1				43.950						
	Gia hạn bản quyền tường lửa		1				28.400						
	Gia hạn bản quyền tường lửa		1				29.920						
	Gia hạn dịch vụ và bản quyền thiết bị tường lửa	Bản quyền	1	Palo Alto Networks			28.400						
	Gia hạn dịch vụ và bản quyền thiết bị tường lửa	Bản quyền	1	Palo Alto Networks			43.950						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Gia hạn dịch vụ và bản quyền thiết bị tường lửa	Bộ	1	Palo Alto Networks			29.920						
	Mái che nhà để xe	Cái	1			2013	14.250						
	Màn hình LED hội trường	Cái	1		Trung Quốc	2022	195.708	Chào hàng cạnh tranh					
	Màn hình Led P2.0 trong nhà	Cái	1	P2-1515-40S	Trung Quốc		350.379						
	Màn hình LED P5 ngoài trời	Bảng	1		Trung Quốc		297.877						
	Màn hình Led P5 ngoài trời	Cái	1		Trung Quốc		299.280						
	Máy chiếu	Cái	1		Japan	2016	35.417						
	Máy chiếu Casio XJ-V10X		1			2016	35.417						
	Máy chủ		1				80.000						
	Máy chủ Fujitsu Primergy TX300S7 server		1			2010	567.470						
	Máy chủ HP DL380G7 Quad		1			2012	75.490						
	Máy điều hòa	Cái	1			2019	14.460						
	Máy điều hòa	Cái	1	Mitsubishi Electric		2022	20.600						
	Máy HP ScanJet 5590	cái	1				11.850						
	Máy lạnh		1		VN	2016	40.000						
	Máy lạnh		1		VN	2015	12.000						
	Máy lạnh		1		VN	2015	12.000						
	Máy lạnh		1		VN	2015	12.000						
	Máy lạnh		1		VN	2015	12.000						
	Máy lạnh	Cái	1				11.937						
	Máy lạnh	Cái	1				11.937						
	Máy lạnh	Cái	1				11.937						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy lạnh	Cái	1				11.937						
	Máy lạnh	Cái	1				11.937						
	Máy lạnh	Cái	1				11.937						
	Máy lạnh	Cái	1				11.937						
	Máy lạnh 1.5HP Panasonic	Cái	1			2020	14.290						
	Máy lạnh 1.5HP Panasonic	Cái	1			2020	14.290						
	Máy lạnh Carrier		1			2006	11.500						
	Máy lạnh Casper 1.5HP	Cái	1	Casper	Thái Lan	2023	12.500						
	Máy lạnh LG S18ENA		1			2016	13.400						
	Máy lạnh Nagakawa	Cái	1	Casper			10.550						
	Máy lạnh Panasonic S18RKH-2.0Hp		1			2015	18.700						
	Máy lạnh Panasonic S9RKH-1.0Hp		1			2015	10.600						
	Máy lạnh Panasonic - 2Hp		1			2017	17.050	Chỉ định thầu					
	Máy lạnh Panasonic - 2Hp		1			2017	17.050	Chỉ định thầu					
	Máy lạnh Panasonic - 2Hp		1			2017	17.050	Chỉ định thầu					
	Máy lạnh Panasonic - 2Hp		1			2017	17.050	Chỉ định thầu					
	Máy lạnh Panasonic -2Hp		1			2015	18.700						
	Máy lạnh Panasonic 2 Hp		1			2017	17.280	Mua sắm trực tiếp					
	Máy lạnh Panasonic 2Hp		1			2013	14.700						
	Máy lạnh Panasonic 2Hp		1			2013	15.250						
	Máy lạnh Panasonic KC24PKH 2,5Hp		1			2013	20.086						
	Máy lạnh Panasonic KC24PKH 2,5Hp		1			2013	20.086						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy lạnh Panasonic S9RKH-1Hp		1			2015	10.600						
	Máy lạnh Panasonic TS 18QKH		1			2014	22.231						
	Máy lạnh Panasonic TS 18QKH		1			2014	22.231						
	Máy lạnh Panasonic TS 18QKH		1			2014	22.231						
	Máy lạnh Panasonic TS18QKH		1			2014	21.582						
	Máy lạnh Panasonic TS9PKH		1			2013	11.779						
	Máy Laptop Dell Inspiron 3543	cái	1			2015	19.059						
	Máy Laptop HP 240 G5 Notebook PC	cái	1			2016	13.066						
	Máy pho to	Cái	1		VN	2015	75.000						
	Máy pho to	Cái	1		VN	2015	75.000						
	Máy photo	Cái	1				60.000						
	Máy Photocopy	Cái	1	Fujifilm Apeos 4570 CPS	Trung Quốc		89.760						
	Máy Photocopy	Cái	1	SHARPA R-6023D	Trung Quốc		49.500						
	Máy Photocopy Canon IR2530	cái	1		Thái Lan	2018	83.830						
	Máy Photocopy Fujifilm Apeos 4570 CPS	Chiếc	1	Fujifilm	Trung Quốc		89.760						
	Máy tính cấu hình cao	Bộ	1		Asean-China	2019	24.970						
	Máy tính cấu hình cao	Bộ	1		Asean-China	2019	24.970						
	Máy tính chuyên dùng OptiPlex 3000 SFF	Cái	1	DELL	Ma-lai-xi-a	2022	25.529						
	Máy tính chuyên dùng OptiPlex 3000 SFF	Cái	1	DELL	Ma-lai-xi-a	2022	25.529						

[illegible]

[illegible]

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Bộ	1		ASEAN/China	2020	21.490						
	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Bộ	1		ASEAN/China	2020	21.490						
	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Bộ	1		ASEAN/China	2020	21.490						
	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7010	Chiếc	1	DELL	Ma-lai-xi-a	2024	25.481						
	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7010	Chiếc	1	DELL	Ma-lai-xi-a	2024	25.481						
	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7010	Chiếc	1	DELL	Ma-lai-xi-a	2024	25.481						
	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7010	Chiếc	1	DELL	Ma-lai-xi-a	2024	25.481						
	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7010	Chiếc	1	DELL	Ma-lai-xi-a	2024	25.481						
	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7010	Chiếc	1	DELL	Ma-lai-xi-a	2024	25.481						
	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7010	Chiếc	1	DELL	Ma-lai-xi-a	2024	25.481						
	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7010	Chiếc	1	DELL	Ma-lai-xi-a	2024	25.481						
	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7010	Chiếc	1	DELL	Ma-lai-xi-a	2024	25.481						
	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7010	Chiếc	1	DELL	Ma-lai-xi-a	2024	25.481						
	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7020	Chiếc	1	Dell	Ma-lai-xi-a	2025	25.075						
	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7020	Chiếc	1	Dell	Ma-lai-xi-a	2025	25.075						
	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7020	Chiếc	1	Dell	Ma-lai-xi-a	2025	25.075						
	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7020	Chiếc	1	Dell	Ma-lai-xi-a	2025	25.075						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7020	Chiếc	1	Dell	Ma-lai-xi-a	2025	25.075						
	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7020	Chiếc	1	Dell	Ma-lai-xi-a	2025	25.075						
	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7020	Chiếc	1	Dell	Ma-lai-xi-a	2025	25.075						
	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7020	Chiếc	1	Dell	Ma-lai-xi-a	2025	25.075						
	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7020	Chiếc	1	Dell	Ma-lai-xi-a	2025	25.075						
	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7020	Chiếc	1	Dell	Ma-lai-xi-a	2025	25.075						
	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7020	Chiếc	1	Dell	Ma-lai-xi-a	2025	25.075						
	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7020	Chiếc	1	Dell	Ma-lai-xi-a	2025	25.075						
	Máy tính xách tay		1				12.400						
	Máy tính xách tay	Cái	1				19.990	Mua sắm trực tiếp					
	Máy tính xách tay Dell Latitude 3440	Chiếc	1	Dell	Trung Quốc		29.843						
	Máy tính xách tay Dell Latitude 3440	Chiếc	1	Dell	Trung Quốc		29.843						
	Máy tính xách tay Dell Latitude 3540	Bộ	1	DELL	Trung Quốc		27.074						
	Máy tính xách tay Dell Latitude 3540	Bộ	1	DELL	Trung Quốc		27.074						
	Máy tính xách tay Dell Latitude 3540	Bộ	1	DELL	Trung Quốc		27.074						
	Máy tính xách tay Dell Latitude 3540	Bộ	1	DELL	Trung Quốc		27.074						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	OptiPlex 3000 Small Form Factor	Ma-lai-xi-a		25.529						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	OptiPlex 3000 Small Form Factor	Ma-lai-xi-a		25.529						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	OptiPlex 3000 Small Form Factor	Ma-lai-xi-a		25.529						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	OptiPlex 3000 Small Form Factor	Ma-lai-xi-a		25.529						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	OptiPlex 3000 Small Form Factor	Ma-lai-xi-a		25.529						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	OptiPlex 3000 Small Form Factor	Ma-lai-xi-a		25.529						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	Dell OptiPlex SFF 7010	Ma-lai-xi-a		25.481						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	OptiPlex 3000 Small Form Factor	Ma-lai-xi-a		25.529						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	OptiPlex 3000 Small Form Factor			25.529						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	Dell OptiPlex SFF 7010	Ma-lai-xi-a		25.481						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	OptiPlex 3000 Small Form Factor	Ma-lai-xi-a		25.529						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	OptiPlex 3000 Small Form Factor	Ma-lai-xi-a		25.529						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	OptiPlex 3000 Small Form Factor	Ma-lai-xi-a		25.529						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	OptiPlex 3000 Small Form Factor	Ma-lai-xi-a		25.529						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	OptiPlex 3000 Small Form Factor	Ma-lai-xi-a		25.529						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	OptiPlex 3000 Small Form Factor	Ma-lai-xi-a		25.529						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	Dell OptiPlex SFF 7010	Ma-lai-xi-a		25.481						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	Dell OptiPlex SFF 7010	Ma-lai-xi-a		25.481						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	OptiPlex 3000 Small Form Factor			25.529						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	OptiPlex 3000 Small Form Factor	Ma-lai-xi-a		25.529						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	Dell OptiPlex SFF 7010	Ma-lai-xi-a		25.481						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	OptiPlex 3000 Small Form Factor	Ma-lai-xi-a		25.529						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	Dell OptiPlex SFF 7010	Ma-lai-xi-a		25.481						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	Dell OptiPlex SFF 7010	Ma-lai-xi-a		25.481						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	OptiPlex 3000 Small Form Factor	Ma-lai-xi-a		25.529						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	OptiPlex 3000 Small Form Factor	Ma-lai-xi-a		25.529						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	Dell OptiPlex SFF 7010	Ma-lai-xi-a		25.481						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	OptiPlex 3000 Small Form Factor	Ma-lai-xi-a		25.529						
	Máy vi tính để bàn	Cái	1	OptiPlex 3000 Small Form Factor	Ma-lai-xi-a		25.529						
	Máy vi tính để bàn HP 280 G3 SFF	Cái	1			2020	14.985						
	Máy vi tính để bàn HP 280 G3 SFF	Cái	1			2020	14.985						
	Máy vi tính để bàn HP 280 G3 SFF	Cái	1			2020	13.195						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy vi tính HP ProDesk 600G3 SFF	cái	1		Singapore	2017	13.301						
	Máy vi tính HP ProDesk 600G3 SFF	cái	1		Singapore	2017	13.301						
	Máy vi tính HP ProDesk 600G3 SFF	cái	1		Singapore	2017	13.301						
	Máy vi tính HP ProDesk 600G3 SFF	cái	1		Singapore	2017	13.301						
	Máy vi tính HP ProDesk 600G3 SFF	cái	1		Singapore	2017	13.301						
	Máy vi tính HP ProDesk 600G3 SFF	cái	1		Singapore	2017	13.301						
	Máy vi tính xách tay	Cái	1	Dell Latitude 3440	Trung Quốc		29.843						
	Máy vi tính xách tay	Cái	1	Dell Latitude 3440	Trung Quốc		29.843						
	Máy vi tính xách tay	Cái	1				27.051						
	Máy vi tính xách tay	Cái	1				27.051						
	Máy vi tính xách tay	Cái	1				27.051						
	Máy vi tính xách tay	Cái	1				27.051						
	Máy vi tính xách tay	Cái	1				27.051						
	Máy vi tính xách tay	Cái	1				27.051						
	Máy vi tính xách tay	Cái	1				27.051						
	Máy VT HP DroDesk 600 G2, HP		1			2016	13.329						
	Máy VT HP DroDesk 600 G2, HP		1			2016	13.329						
	Máy VT HP DroDesk 600 G2, HP		1			2016	13.329						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy VT HP DroDesk 600 G2, HP		1			2016	13.329						
	Máy VT HP DroDesk 600 G2, HP		1			2016	13.329						
	Máy VT Intel Core i5 4460, HP		1			2016	13.200						
	Phần mềm máy tính		1				24.775						
	Thiết bị chuyển mạch loại 4	Chiếc	1	Juniper	Đài Loan	2024	92.354						
	Thiết bị chuyển mạch loại 4 (EX2300-48T)	Chiếc	1	Juniper		2024	92.354						
	Thiết bị chuyển mạch loại 5	Chiếc	1	Juniper	Đài Loan	2024	52.503						
	Thiết bị chuyển mạch loại 5 (EX2300-24T)	Chiếc	1	Juniper		2024	52.503						
	Thiết bị họp Hội nghị trực tuyến	Bộ	1		Trung Quốc	2025	156.289						
	Thiết bị họp Hội nghị trực tuyến	Bộ	1		Trung Quốc	2025	156.289						
	Thiết bị họp Hội nghị trực tuyến	Bộ	1		Trung Quốc	2025	156.289						
	Thiết bị họp Hội nghị trực tuyến	Bộ	1		Trung Quốc	2025	156.289						
	Thiết bị họp Hội nghị trực tuyến	Bộ	1		Trung Quốc	2025	156.289						
	Thiết bị họp Hội nghị trực tuyến	Bộ	1		Trung Quốc	2025	156.289						
	Thiết bị họp Hội nghị trực tuyến	Bộ	1		Trung Quốc	2025	156.289						
	Thiết bị họp Hội nghị trực tuyến (cấp huyện)	Cái	1				155.860						
	Thiết bị họp Hội nghị trực tuyến (cấp huyện)	Cái	1				155.860						
	Thiết bị họp Hội nghị trực tuyến (cấp huyện)	Cái	1				155.860						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Thiết bị họp Hội nghị trực tuyến (cấp huyện)	Cái	1				155.860						
	Thiết bị họp Hội nghị trực tuyến (cấp tỉnh)	Cái	1				384.399						
	Thiết bị UPS	Bộ	1	UPS ANGUST OS	Trung Quốc		28.400						
	Trang thông tin điện tử Website Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa		1			2023	15.000						
	Tủ đựng hồ sơ		1		VN	2012	16.841						
	Tủ gỗ Lim	cái	1				12.000						
	Tủ gỗ Lim	cái	1				12.000						
	Tủ gỗ Lim	cái	1				12.000						
	Tu ho so		1		VN	2016	12.750						
	Tủ hồ sơ		1		VN	2014	10.200						
	Tủ hồ sơ		1		VN	2012	16.468						
	Tủ hồ sơ		1		VN	2012	16.468						
	Tủ jach		1		VN	2013	13.500						
	Tủ phòng khách	Cái	1			2018	12.000						
	UPS -1 pha -3kVA/2700W, 208/220/230/240Vac		1	RAPTOR -3KRT	Trung Quốc		28.400						
	Tổng cộng						76.692.439						

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Bạch Thị Ánh Tuyết

Ngày 12 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Lê Thị Trúc Phương

Bộ, tỉnh: Tỉnh Khánh Hòa
Cơ quan quản lý cấp trên:
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Thống kê Tỉnh Khánh Hòa
Mã đơn vị: 1162787
Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
Năm 2025

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Đất CCTK Bác Ái tại Tà Lủ 1	800	67.200	800																	
2	Đất CCTK Ninh Phước tại Kp 4	362	132.384	362																	
3	Đất CCTK PR tại Đường Nguyễn Công Trứ	751	247.830	751																	
4	Đất CCTK Thuận Bắc tại Ân Đạt	1.187	391.842	1.187																	
5	Đất Cục tại Đường 16/4	812	3.899.040	812																	
6	Giá trị đất cơ quan Cục Thống kê tại 97 Bạch Đằng, phường Tân Lập, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	774	30.018.458	774																	

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)					Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp						Sử dụng khác	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
7	Nhà làm việc cơ quan Cục tại 97 Bạch Đằng, phường Tân Lập, TP Nha Trang. tỉnh Khánh Hòa									2017	1.206	379.884	243.126	1.206							
8	Nhà làm việc cơ quan Cục tại 97 Bạch Đằng, phường Tân Lập, TP Nha Trang. tỉnh Khánh Hòa									1997	1.206	3.486.867		1.206							
9	Nhà làm việc cơ quan Cục tại 97 Bạch Đằng, phường Tân Lập, TP Nha Trang. tỉnh Khánh Hòa									2010	1.206	53.422	19.232	1.206							
10	Nhà làm việc cơ quan Cục tại 97 Bạch Đằng, phường Tân Lập, TP Nha Trang. tỉnh Khánh Hòa									2016	1.206	800.000	480.000	1.206							
11	Nhà làm việc cơ quan Cục tại 97 Bạch Đằng, phường Tân Lập, TP Nha Trang. tỉnh Khánh Hòa									2013	1.206	20.418	9.801	1.206							

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
12	Nhà làm việc cơ quan Cục tại 97 Bạch Đằng, phường Tân Lập, TP Nha Trang. tỉnh Khánh Hòa									2012	1.206	100.000	44.000	1.206								
13	Nhà làm việc cơ quan Cục tại 97 Bạch Đằng, phường Tân Lập, TP Nha Trang. tỉnh Khánh Hòa									2020	1.206	800.000	623.200	1.206								
14	Giá trị quyền sử dụng đất Chi cục Thống kê huyện Cam Lâm tại Tổ dân phố Tân Hải, Thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	800	829.920	800																		
15	Nhà làm việc CCTK huyện Cam Lâm tại Tổ dân phố Tân Hải, Thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa									2019	287	3.500.600	1.866.170	287								

4

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
16	Giá trị quyền sử dụng đất Chi cục Thống kê huyện Vạn Ninh tại 131 Hùng Vương, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa	216	1.350.336	216																		
17	Nhà làm việc Chi cục TK Vạn Ninh tại 131 Hùng Vương, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa									2015	135	1.240.271	524.740	135								
18	Nhà làm việc CCTK Ninh Phước									2023	240	2.949.893	2.359.619	240								
19	Nhà làm việc CCTK Ninh Sơn									2012	230	2.057.701	310.343	230								
20	Nhà làm việc Chi cục Bắc Ái									2002	128	492.370	209.130	128								
21	Nhà làm việc Cục Thống kê									2002	891	5.700.770	4.188.268	891								
22	NLV CCTK TP Phan Rang - Tháp Chàm									2019	308	3.381.950	2.403.007	308								
23	Tbac									2014	228	3.151.621	1.573.962	228								
	Tổng cộng:	5.702	36.937.010	5.702							10.889	28.115.767	14.854.597	10.889								

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Bạch Thị Ánh Tuyết

Ngày 12. tháng 01. năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)




Lê Thị Trúc Phương

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC
Năm 2025

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xe ô tô		2	1.893.331	1.893.331		75.660							
1	TOYOTA - BKS 79A - 004.79	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	750.431	750.431				x					x
2	TOYOTA - BKS 85A - 00113	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	1.142.900	1.142.900		75.660		x					x
II	Tài sản cố định khác		267	9.746.240	9.263.460	482.781	2.736.076							
1	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7020	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng (Trụ sở chính)	1	25.075	25.075		20.060							x
2	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7020	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã Hội (Trụ sở chính)	1	25.075	25.075		20.060		x					x
3	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7020	Thống kê cơ sở Diên Khánh (Cơ sở 2)	1	25.075	25.075		20.060							x
4	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7020	Thống kê cơ sở Ninh Chữ	1	25.075	25.075		20.060							x
5	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7020	Thống kê cơ sở Nha Trang	1	25.075	25.075		20.060							x
6	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7020	Thống kê cơ sở Ninh Sơn	1	25.075	25.075		20.060							x
7	Máy tính xách tay	Phòng Tổ chức - Hành chính (Cơ sở 2)	1	12.400	12.400									x
8	Máy tính xách tay	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	19.990	19.990									x
9	Máy tính xách tay Dell Latitude 3440	Phòng lãnh đạo (Phường)	1	29.843	29.843		17.906		x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
10	Máy tính xách tay Dell Latitude 3440	Phòng Thống kê Tổng hợp (Trụ sở chính)	1	29.843	29.843		17.906		x					x
11	Máy tính xách tay Dell Latitude 3540	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã Hội (Trụ sở chính)	1	27.051	27.051		16.226		x					x
12	Máy tính xách tay Dell Latitude 3540	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng (Trụ sở chính)	1	27.051	27.051		16.226		x					x
13	Máy tính xách tay Dell Latitude 3540	Phòng lãnh đạo (Viên)	1	27.051	27.051		16.226		x					x
14	Máy tính xách tay Dell Latitude 3540	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá (Trụ sở chính)	1	27.051	27.051		16.226		x					x
15	Máy vi tính để bàn	Thống kê cơ sở Ninh Chữ	1	25.529	25.529		5.106		x					x
16	Máy vi tính để bàn	Thống kê cơ sở Ninh Chữ	1	25.481	25.481		15.289		x					x
17	Máy vi tính để bàn	Thống kê cơ sở Ninh Phước	1	25.481	25.481		15.289		x					x
18	Máy vi tính để bàn	Thống kê cơ sở Ninh Phước	1	25.529	25.529		5.106		x					x
19	Máy vi tính để bàn	Thống kê cơ sở Ninh Phước	1	25.529	25.529		5.106		x					x
20	Máy vi tính để bàn	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá (Cơ sở 2)	1	25.529	25.529		5.106		x					x
21	Máy vi tính để bàn	Phòng Máy Chủ (Cơ sở 2)	1	25.529	25.529		5.106		x					x
22	Máy vi tính để bàn	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	25.529	25.529		5.106		x					x
23	Máy vi tính để bàn	Phòng Thống kê Tổng hợp (Trụ sở chính)	1	25.529	25.529		5.106		x					x
24	Máy vi tính để bàn	Thống kê cơ sở Ninh Chữ	1	25.481	25.481		15.289		x					x
25	Máy vi tính để bàn	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	25.481	25.481		15.289		x					x
26	Máy vi tính để bàn	Phòng Thống kê Tổng hợp (Trụ sở chính)	1	25.529	25.529		5.106		x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
27	Máy vi tính để bàn	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá (Cơ sở 2)	1	25.529	25.529		5.106		x					x
28	Máy vi tính để bàn	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	25.529	25.529		5.106		x					x
29	Máy vi tính để bàn	Thống kê cơ sở Đông Hải	1	25.529	25.529		5.106		x					x
30	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7020	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng (Trụ sở chính)	1	25.075	25.075		20.060							x
31	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7020	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng (Cơ sở 2)	1	25.075	25.075		20.060							x
32	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7020	Thống kê cơ sở Diên Khánh (Trụ sở chính)	1	25.075	25.075		20.060							x
33	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7020	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	25.075	25.075		20.060							x
34	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Thống kê cơ sở Cam Lâm (Trụ sở chính)	1	21.490	21.490				x					x
35	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Thống kê cơ sở Diên Khánh (Trụ sở chính)	1	21.490	21.490				x					x
36	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	21.490	21.490				x					x
37	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Phòng Kho (Trụ sở chính)	1	21.490	21.490				x					x
38	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Thống kê cơ sở Nha Trang	1	21.490	21.490				x					x
39	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Phòng Thống kê Tổng hợp (Trụ sở chính)	1	21.490	21.490				x					x
40	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Thống kê cơ sở Cam Lâm (Trụ sở chính)	1	21.490	21.490				x					x
41	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Thống kê cơ sở Cam Ranh	1	21.490	21.490				x					x
42	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	21.490		21.490			x					x
43	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Thống kê cơ sở Cam Lâm (Cơ sở 2)	1	21.490	21.490				x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
44	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Phòng lãnh đạo (Viên)	1	21.490	21.490				x					x
45	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Thông kê cơ sở Cam Ranh	1	21.490	21.490				x					x
46	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Phòng Thông kê Dịch vụ và Giá (Trụ sở chính)	1	21.490	21.490				x					x
47	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Thông kê cơ sở Diên Khánh (Trụ sở chính)	1	21.490	21.490				x					x
48	Máy vi tính để bàn	Thông kê cơ sở Ninh Sơn	1	25.481	25.481		15.289		x					x
49	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Phòng Thông kê Dịch vụ và Giá (Trụ sở chính)	1	21.490	21.490				x					x
50	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Phòng Thông kê Tổng hợp (Trụ sở chính)	1	21.490	21.490				x					x
51	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Thông kê cơ sở Diên Khánh (Cơ sở 2)	1	21.490	21.490				x					x
52	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7010	Thông kê cơ sở Cam Ranh	1	25.481	25.481		15.289		x					x
53	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7010	Thông kê cơ sở Diên Khánh (Cơ sở 2)	1	25.481	25.481		15.289		x					x
54	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7010	Thông kê cơ sở Cam Lâm (Trụ sở chính)	1	25.481	25.481		15.289		x					x
55	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7010	Thông kê cơ sở Diên Khánh (Trụ sở chính)	1	25.481	25.481		15.289		x					x
56	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7010	Phòng Thông kê Dịch vụ và Giá (Trụ sở chính)	1	25.481	25.481		15.289		x					x
57	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7010	Thông kê cơ sở Vạn Ninh	1	25.481	25.481		15.289		x					x
58	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7010	Thông kê cơ sở Nha Trang	1	25.481	25.481		15.289		x					x
59	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7010	Thông kê cơ sở Cam Lâm (Cơ sở 2)	1	25.481	25.481		15.289		x					x
60	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7010	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	25.481	25.481		15.289		x					x
61	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7010	Thông kê cơ sở Ninh Hòa	1	25.481	25.481		15.289		x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
62	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7020	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá (Cơ sở 2)	1	25.075	25.075		20.060							x
63	Máy tính để bàn Dell OptiPlex SFF 7020	Thống kê cơ sở Nha Trang	1	25.075	25.075		20.060							x
64	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	21.490	21.490				x					x
65	Máy vi tính để bàn	Thống kê cơ sở Đông Hải	1	25.529	25.529		5.106		x					x
66	Máy vi tính để bàn	Thống kê cơ sở Đông Hải	1	25.529	25.529		5.106		x					x
67	Máy vi tính để bàn	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng (Cơ sở 2)	1	25.529	25.529		5.106		x					x
68	Máy VT Intel Core i5 4460, HP	Phòng Kho (Trụ sở chính)	1	13.200	13.200									x
69	Phần mềm máy tính	Phòng Tổ chức - Hành chính (Cơ sở 2)	1	24.775	24.775									x
70	Thiết bị chuyển mạch loại 4	Phòng máy chủ (Trụ sở chính)	1	92.354	92.354		55.412		x					x
71	Thiết bị chuyển mạch loại 4 (EX2300-48T)	Phòng Máy Chủ (Cơ sở 2)	1	92.354	92.354		55.412							x
72	Thiết bị chuyển mạch loại 5	Phòng máy chủ (Trụ sở chính)	1	52.503	52.503		31.502		x					x
73	Thiết bị chuyển mạch loại 5 (EX2300-24T)	Phòng Máy Chủ (Cơ sở 2)	1	52.503	52.503		31.502							x
74	Thiết bị họp Hội nghị trực tuyến	Thống kê cơ sở Ninh Chữ	1	156.289	156.289		125.031		x					x
75	Thiết bị họp Hội nghị trực tuyến	Thống kê cơ sở Ninh Sơn	1	156.289	156.289		125.031		x					x
76	Thiết bị họp Hội nghị trực tuyến	Thống kê cơ sở Diên Khánh (Trụ sở chính)	1	156.289	156.289		125.031		x					x
77	Thiết bị họp Hội nghị trực tuyến	Thống kê cơ sở Diên Khánh (Cơ sở 2)	1	156.289	156.289		125.031		x					x
78	Thiết bị họp Hội nghị trực tuyến	Thống kê cơ sở Nha Trang	1	156.289	156.289		125.031		x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
79	Thiết bị họp Hội nghị trực tuyến	Thông kê cơ sở Ninh Hòa	1	156.289	156.289		125.031		x					x
80	Thiết bị họp Hội nghị trực tuyến	Thông kê cơ sở Ninh Phước	1	156.289	156.289		125.031		x					x
81	Thiết bị họp Hội nghị trực tuyến (cấp huyện)	Thông kê cơ sở Cam Lâm (Trụ sở chính)	1	155.860	155.860									x
82	Thiết bị họp Hội nghị trực tuyến (cấp huyện)	Thông kê cơ sở Cam Ranh	1	155.860	155.860		31.172							x
83	Thiết bị họp Hội nghị trực tuyến (cấp huyện)	Thông kê cơ sở Cam Lâm (Cơ sở 2)	1	155.860	155.860		31.172							x
84	Thiết bị họp Hội nghị trực tuyến (cấp huyện)	Thông kê cơ sở Vạn Ninh	1	155.860	155.860		31.172							x
85	Thiết bị họp Hội nghị trực tuyến (cấp tỉnh)	Hội trường (Trụ sở chính)	1	384.399	384.399									x
86	Thiết bị UPS	Phòng máy chủ (Trụ sở chính)	1	28.400	28.400		17.040		x					x
87	Trang thông tin điện tử Website Cục Thông kê tỉnh Khánh Hòa	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	15.000	15.000		7.200							x
88	Tủ đựng hồ sơ	Phòng Tổ chức - Hành chính (Cơ sở 2)	1	16.841	16.841									x
89	Tủ gỗ Lim	Phòng khách (Trụ sở chính)	1	12.000	12.000				x					x
90	Tủ gỗ Lim	Phòng khách (Trụ sở chính)	1	12.000	12.000				x					x
91	Tủ gỗ Lim	Phòng khách (Trụ sở chính)	1	12.000	12.000				x					x
92	Tu ho so	Phòng lãnh đạo (Hùng)	1	12.750	12.750									x
93	Tủ hồ sơ	Phòng Tổ chức - Hành chính (Cơ sở 2)	1	16.468	16.468									x
94	Tủ hồ sơ	Phòng lãnh đạo (Hà)	1	10.200	10.200									x
95	Tủ hồ sơ	Phòng Tổ chức - Hành chính (Cơ sở 2)	1	16.468	16.468									x
96	Tủ jach	Phòng Thông kê Tổng hợp (Cơ sở 2)	1	13.500	13.500									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
97	Máy VT HP DroDesk 600 G2, HP	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng (Trụ sở chính)	1	13.329	13.329									x
98	Máy VT HP DroDesk 600 G2, HP	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng (Trụ sở chính)	1	13.329	13.329									x
99	Máy VT HP DroDesk 600 G2, HP	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã Hội (Trụ sở chính)	1	13.329	13.329									x
100	Máy VT HP DroDesk 600 G2, HP	Phòng Kho (Trụ sở chính)	1	13.329	13.329									x
101	Máy vi tính để bàn	Thống kê cơ sở Ninh Sơn	1	25.481	25.481		15.289		x					x
102	Máy vi tính để bàn	Thống kê cơ sở Ninh Sơn	1	25.529	25.529		5.106		x					x
103	Máy vi tính để bàn	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng (Cơ sở 2)	1	25.529	25.529		5.106		x					x
104	Máy vi tính để bàn	Phòng Máy Chủ (Cơ sở 2)	1	25.529	25.529		5.106		x					x
105	Máy vi tính để bàn	Thống kê cơ sở Ninh Phước	1	25.481	25.481		15.289		x					x
106	Máy vi tính để bàn	Thống kê cơ sở Ninh Sơn	1	25.529	25.529		5.106		x					x
107	Máy vi tính để bàn	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã Hội (Cơ sở 2)	1	25.529	25.529		5.106		x					x
108	Máy vi tính để bàn	Phòng Máy Chủ (Cơ sở 2)	1	25.529	25.529		5.106		x					x
109	Máy vi tính để bàn	Thống kê cơ sở Ninh Chữ	1	25.529	25.529		5.106		x					x
110	Máy vi tính để bàn	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	25.481	25.481		15.289		x					x
111	Máy vi tính để bàn HP 280 G3 SFF	Thống kê cơ sở Cam Lâm (Trụ sở chính)	1	14.985	14.985									x
112	Máy vi tính để bàn HP 280 G3 SFF	Phòng Kho (Trụ sở chính)	1	14.985	14.985									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
113	Máy vi tính để bàn HP 280 G3 SFF	Phòng Kho (Trụ sở chính)	1	13.195	13.195									x
114	Máy vi tính HP ProDesk 600G3 SFF	Thông kê cơ sở Diên Khánh (Trụ sở chính)	1	13.301	13.301				x					x
115	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Thông kê cơ sở Ninh Hòa	1	21.490	21.490				x					x
116	Máy vi tính HP ProDesk 600G3 SFF	Thông kê cơ sở Vạn Ninh	1	13.301	13.301				x					x
117	Máy vi tính HP ProDesk 600G3 SFF	Phòng Kho (Trụ sở chính)	1	13.301	13.301				x					x
118	Máy vi tính HP ProDesk 600G3 SFF	Phòng Thông kê Nông nghiệp và Xã Hội (Trụ sở chính)	1	13.301	13.301				x					x
119	Máy vi tính HP ProDesk 600G3 SFF	Phòng Kho (Trụ sở chính)	1	13.301	13.301				x					x
120	Máy vi tính xách tay	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	27.051	27.051		16.226							x
121	Máy vi tính xách tay	Thông kê cơ sở Ninh Sơn	1	27.051	27.051		16.226							x
122	Máy vi tính xách tay	Phòng lãnh đạo (Hà)	1	27.051	27.051		16.226							x
123	Máy vi tính xách tay	Phòng Thông kê Dịch vụ và Giá (Trụ sở chính)	1	27.051	27.051		16.226							x
124	Máy vi tính xách tay	Phòng Thông kê Công nghiệp và Xây dựng (Cơ sở 2)	1	27.051	27.051		16.226							x
125	Máy vi tính xách tay	Thông kê cơ sở Ninh Chữ	1	27.051	27.051		16.226							x
126	Máy vi tính xách tay	Thông kê cơ sở Đông Hải	1	27.051	27.051		16.226							x
127	Máy vi tính xách tay	Phòng Lãnh đạo (Hương)	1	29.843	29.843		11.937							x
128	Máy vi tính xách tay	Thông kê cơ sở Ninh Phước	1	27.051	27.051		16.226							x
129	Máy vi tính xách tay	Phòng lãnh đạo (Hùng)	1	29.843	29.843		11.937							x
130	Máy VT HP DroDesk 600 G2, HP	Phòng Kho (Trụ sở chính)	1	13.329	13.329									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
131	Máy vi tính HP ProDesk 600G3 SFF	Thông kê cơ sở Nha Trang	1	13.301	13.301				x					x
132	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Thông kê cơ sở Nha Trang	1	21.490	21.490				x					x
133	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Thông kê cơ sở Cam Ranh	1	21.490	21.490				x					x
134	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	21.490	21.490				x					x
135	Màn hình Led P5 ngoài trời	Phòng Tổ chức - Hành chính (Cơ sở 2)	1	299.280	299.280		59.856		x					x
136	Máy chiếu	Phòng Tổ chức - Hành chính (Cơ sở 2)	1	35.417	35.417									x
137	Máy chiếu Casio XJ-V10X	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	35.417	35.417				x					x
138	Máy chủ	Phòng Máy Chủ (Cơ sở 2)	1	80.000	80.000									x
139	Máy chủ Fujitsu Primergy TX300S7 server	Phòng máy chủ (Trụ sở chính)	1	567.470	567.470				x					x
140	Máy chủ HP DL380G7 Quad	Phòng máy chủ (Trụ sở chính)	1	75.490	75.490									x
141	Máy điều hòa	Thông kê cơ sở Đông Hải	1	20.600	20.600		10.300		x					x
142	Máy điều hòa	Phòng Thông kê Công nghiệp và Xây dựng (Cơ sở 2)	1	14.460	14.460		3.615							x
143	Máy HP ScanJet 5590	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	11.850	11.850				x					x
144	Máy lạnh	Phòng Hợp (Cơ sở 2)	1	40.000	40.000									x
145	Máy lạnh	Phòng khách 1 (Cơ sở 2)	1	12.000	12.000									x
146	Máy lạnh	Phòng khách 3 (Cơ sở 2)	1	12.000	12.000									x
147	Máy lạnh	Phòng khách 5 (Cơ sở 2)	1	12.000	12.000									x
148	Máy lạnh	Phòng khách 2 (Cơ sở 2)	1	12.000	12.000									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
149	Máy lạnh	Phòng Tổ chức - Hành chính (Cơ sở 2)	1	11.937	11.937				x					x
150	Máy lạnh	Phòng khách 6 (Cơ sở 2)	1	11.937	11.937				x					x
151	Máy lạnh	Thông kê cơ sở Ninh Chữ	1	11.937	11.937				x					x
152	Máy lạnh	Thông kê cơ sở Ninh Sơn	1	11.937	11.937				x					x
153	Máy lạnh	Phòng khách 7 (Cơ sở 2)	1	11.937	11.937				x					x
154	Máy lạnh	Thông kê cơ sở Ninh Sơn	1	11.937	11.937				x					x
155	Máy lạnh	Thông kê cơ sở Ninh Phước	1	11.937	11.937				x					x
156	Máy lạnh 1.5HP Panasonic	Thông kê cơ sở Nha Trang	1	14.290	14.290		3.573		x					x
157	Máy lạnh 1.5HP Panasonic	Thông kê cơ sở Nha Trang	1	14.290	14.290		3.573		x					x
158	Máy lạnh Carier	Phòng Thông kê Tổng hợp (Trụ sở chính)	1	11.500	11.500									x
159	Máy lạnh Casper 1.5HP	Phòng Thông kê Tổng hợp (Cơ sở 2)	1	12.500	12.500		7.813		x					x
160	Máy lạnh LG S18ENA	Thông kê cơ sở Cam Lâm (Trụ sở chính)	1	13.400	13.400									x
161	Máy lạnh Nagakawa	Phòng Máy Chủ (Cơ sở 2)	1	10.550	10.550		7.913		x					x
162	Máy lạnh Panasoniac S18RKH-2.0Hp	Thông kê cơ sở Cam Ranh	1	18.700	18.700									x
163	Máy lạnh Panasoniac S9RKH-1.0Hp	Thông kê cơ sở Cam Ranh	1	10.600	10.600									x
164	Màn hình LED P5 ngoài trời	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	297.877	297.877				x					x
165	Màn hình Led P2.0 trong nhà	Phòng Tổ chức - Hành chính (Cơ sở 2)	1	350.379	350.379		210.227		x					x
166	Màn hình LED hội trường	Hội trường (Trụ sở chính)	1	195.708	195.708		39.142							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
167	Mái che nhà để xe	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	14.250	14.250									x
168	Bàn ghe lam viec	Phòng lãnh đạo (Hùng)	1	20.000	20.000									x
169	Bàn họp ô van 30 chỗ	Phòng thống kê cơ sở Đông Hải	1	26.250	26.250									x
170	Bàn ghế	Phòng lãnh đạo (Hà)	1	28.500	28.500									x
171	Bộ bàn ghế phòng họp Cục	Phòng họp (Trụ sở chính)	1	39.000	39.000				x					x
172	Bộ bàn ghế tiếp khách	Phòng Kho (Trụ sở chính)	1	10.650	10.650				x					x
173	Bộ bàn ghế tiếp khách	Phòng lãnh đạo (Quang)	1	19.580	19.580				x					x
174	Bộ bàn ghế tiếp khách	Phòng thống kê cơ sở Diên Khánh (Cơ sở 2)	1	12.500	12.500				x					x
175	Bộ bàn ghế tiếp khách	Phòng lãnh đạo (Phương)	1	19.800	19.800				x					x
176	Bộ bàn ghế tiếp khách	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	17.710	17.710				x					x
177	Bộ bàn ghế tiếp khách	Phòng lãnh đạo (Viên)	1	19.580	19.580				x					x
178	Bộ bàn họp của CCCL	Phòng thống kê cơ sở Cam Lâm (Trụ sở chính)	1	15.268	15.268				x					x
179	Bộ bàn họp của CCDK	Phòng thống kê cơ sở Diên Khánh (Trụ sở chính)	1	14.080	14.080									x
180	Điều hoà nhiệt độ	Phòng Hợp (Cơ Sở 2)	1	12.125	12.125									x
181	Điều hoà nhiệt độ	Phòng thống kê cơ sở Ninh Phước	1	20.312	20.312									x
182	Máy lạnh Panasonic - 2Hp	Phòng khách (Trụ sở chính)	1	17.050	17.050									x
183	Điều hoà nhiệt độ	Phòng thống kê cơ sở Ninh Sơn	1	13.904	13.904									x
184	Điều hòa nhiệt độ	Phòng Tổ chức - Hành chính (Cơ sở 2)	1	11.937	11.937									x
185	Điều hòa nhiệt độ	Phòng Tổ chức - Hành chính (Cơ sở 2)	1	11.937	11.937									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
186	Điều hòa nhiệt độ	Phòng Tổ chức - Hành chính (Cơ sở 2)	1	11.938	11.938									x
187	Điều hòa nhiệt độ	Phòng Tổ chức - Hành chính (Cơ sở 2)	1	11.938	11.938									x
188	Điều hòa nhiệt độ	Phòng Lãnh đạo (Hương)	1	11.937	11.937									x
189	Điều hòa nhiệt độ	Phòng Tổ chức - Hành chính (Cơ sở 2)	1	11.938	11.938									x
190	Điều hòa nhiệt độ	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá (Cơ sở 2)	1	11.937	11.937									x
191	Điều hòa nhiệt độ	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã Hội (Cơ sở 2)	1	11.937	11.937									x
192	Gia hạn bản quyền tường lửa	Phòng Máy Chủ (Cơ sở 2)	1	43.950	43.950		35.160							x
193	Gia hạn bản quyền tường lửa	Phòng Máy Chủ (Cơ sở 2)	1	29.920	29.920		23.936							x
194	Gia hạn bản quyền tường lửa	Phòng Máy Chủ (Cơ sở 2)	1	28.400	28.400		22.720							x
195	Gia hạn dịch vụ và bản quyền thiết bị tường lửa	Phòng máy chủ (Trụ sở chính)	1	43.950	43.950		35.160		x					x
196	Gia hạn dịch vụ và bản quyền thiết bị tường lửa	Phòng máy chủ (Trụ sở chính)	1	28.400	28.400		22.720		x					x
197	Gia hạn dịch vụ và bản quyền thiết bị tường lửa	Phòng máy chủ (Trụ sở chính)	1	29.920	29.920		23.936		x					x
198	Điều hòa nhiệt độ	Phòng Thống kê Tổng hợp (Cơ sở 2)	1	11.937	11.937									x
199	Máy lạnh Panasonic - 2Hp	Phòng khách (Trụ sở chính)	1	17.050	17.050									x
200	Máy lạnh Panasonic - 2Hp	Phòng khách (Trụ sở chính)	1	17.050	17.050									x
201	Máy lạnh Panasonic - 2Hp	Phòng khách (Trụ sở chính)	1	17.050	17.050									x
202	Máy tính chuyên dùng OptiPlex 3000 SFF	Thống kê cơ sở Vạn Ninh	1	25.529	25.529		5.106			x				x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
203	Máy tính để bàn	Thông kê cơ sở Ninh Sơn	1	20.056		20.056								x
204	Máy tính để bàn	Thông kê cơ sở Ninh Phước	1	20.056		20.056								x
205	Máy tính để bàn	Phòng Thông kê Dịch vụ và Giá (Trụ sở chính)	1	20.056		20.056								x
206	Máy tính để bàn	Thông kê cơ sở Ninh Phước	1	20.056		20.056								x
207	Máy tính để bàn	Phòng Thông kê Nông nghiệp và Xã Hội (Cơ sở 2)	1	20.056		20.056								x
208	Máy tính để bàn	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	20.056		20.056								x
209	Máy tính để bàn	Thông kê cơ sở Ninh Phước	1	20.056		20.056								x
210	Máy tính để bàn	Thông kê cơ sở Ninh Sơn	1	20.056		20.056								x
211	Máy tính để bàn	Thông kê cơ sở Ninh Sơn	1	20.056		20.056								x
212	Máy tính để bàn	Thông kê cơ sở Ninh Phước	1	20.056		20.056								x
213	Máy tính để bàn	Phòng lãnh đạo (Hùng)	1	20.056		20.056								x
214	Máy tính để bàn	Thông kê cơ sở Đông Hải	1	20.056		20.056								x
215	Máy tính để bàn	Thông kê cơ sở Ninh Sơn	1	20.056		20.056								x
216	Máy tính chuyên dùng OptiPlex 3000 SFF	Phòng lãnh đạo (Phương)	1	25.529	25.529		5.106			x				x
217	Máy tính để bàn	Thông kê cơ sở Ninh Chữ	1	20.056		20.056								x
218	Máy tính để bàn	Phòng Thông kê Dịch vụ và Giá (Trụ sở chính)	1	20.056		20.056								x
219	Máy tính để bàn	Thông kê cơ sở Ninh Chữ	1	20.056		20.056								x
220	Máy tính để bàn	Thông kê cơ sở Ninh Chữ	1	20.056		20.056								x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
221	Máy tính để bàn	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã Hội (Cơ sở 2)	1	20.056		20.056								x
222	Máy tính để bàn	Phòng lãnh đạo (Hà)	1	20.056		20.056								x
223	Máy tính để bàn	Thống kê cơ sở Ninh Chữ	1	20.056		20.056								x
224	Máy tính để bàn	Thống kê cơ sở Ninh Sơn	1	20.056		20.056								x
225	Máy tính để bàn	Phòng Thống kê Tổng hợp (Trụ sở chính)	1	20.056		20.056								x
226	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 3 Dell OptiPlex 3070	Phòng Thống kê Tổng hợp (Trụ sở chính)	1	27.970	27.970				x					x
227	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 3 Dell OptiPlex 3070	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã Hội (Trụ sở chính)	1	27.970	27.970				x					x
228	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã Hội (Trụ sở chính)	1	21.490	21.490				x					x
229	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Thống kê cơ sở Ninh Hòa	1	21.490	21.490				x					x
230	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng (Trụ sở chính)	1	21.490	21.490				x					x
231	Máy tính để bàn chuyên dùng loại 4 Dell OptiPlex 3070	Phòng lãnh đạo (Quang)	1	21.490	21.490				x					x
232	Máy tính để bàn	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã Hội (Cơ sở 2)	1	20.056		20.056								x
233	Tủ phòng khách	Phòng khách (Trụ sở chính)	1	12.000	12.000				x					x
234	Máy tính chuyên dùng OptiPlex 3000 SFF	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã Hội (Trụ sở chính)	1	25.529	25.529		5.106			x				x
235	Máy tính chuyên dùng OptiPlex 3000 SFF	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	25.529	25.529		5.106			x				x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
236	Máy lạnh Panasonic -2Hp	Phòng khách (Trụ sở chính)	1	18.700	18.700									x
237	Máy lạnh Panasonic 2 Hp	Thống kê cơ sở Vạn Ninh	1	17.280	17.280									x
238	Máy lạnh Panasonic 2Hp	Thống kê cơ sở Diên Khánh (Cơ sở 2)	1	15.250	15.250									x
239	Máy lạnh Panasonic 2Hp	Thống kê cơ sở Diên Khánh (Trụ sở chính)	1	14.700	14.700									x
240	Máy lạnh Panasonic KC24PKH 2,5Hp	Hội trường (Trụ sở chính)	1	20.086	20.086									x
241	Máy lạnh Panasonic KC24PKH 2,5Hp	Hội trường (Trụ sở chính)	1	20.086	20.086									x
242	Máy lạnh Panasonic S9RKH-1Hp	Thống kê cơ sở Diên Khánh (Trụ sở chính)	1	10.600	10.600									x
243	Máy lạnh Panasonic TS 18QKH	Phòng lãnh đạo (Quang)	1	22.231	22.231									x
244	Máy lạnh Panasonic TS 18QKH	Phòng lãnh đạo (Hà)	1	22.231	22.231									x
245	Máy lạnh Panasonic TS 18QKH	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã Hội (Trụ sở chính)	1	22.231	22.231									x
246	Máy lạnh Panasonic TS18QKH	Phòng lãnh đạo (Viên)	1	21.582	21.582									x
247	Máy lạnh Panasonic TS9PKH	Phòng máy chủ (Trụ sở chính)	1	11.779	11.779									x
248	Máy Laptop Dell Inspiron 3543	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	19.059	19.059				x					x
249	Máy Laptop HP 240 G5 Notebook PC	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	13.066	13.066				x					x
250	Máy tính chuyên dùng OptiPlex 3000 SFF	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá (Trụ sở chính)	1	25.529	25.529		5.106			x				x
251	Máy pho to	Thống kê cơ sở Ninh Sơn	1	75.000	75.000									x
252	Máy photo	Thống kê cơ sở Ninh Phước	1	60.000	60.000									x
253	Máy Photocopy	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	89.760	89.760		44.880							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
254	Máy Photocopy	Thông kê cơ sở Đông Hải	1	49.500	49.500									x
255	Máy Photocopy Canon IR2530	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	83.830	83.830				x					x
256	Máy Photocopy Fujifilm Apeos 4570 CPS	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	89.760	89.760		58.905		x					x
257	Máy tính cấu hình cao	Phòng Thông kê Tổng hợp (Trụ sở chính)	1	24.970	24.970									x
258	Máy tính cấu hình cao	Phòng Lãnh đạo (Hương)	1	24.970	24.970									x
259	Máy tính chuyên dùng OptiPlex 3000 SFF	Thông kê cơ sở Cam Ranh	1	25.529	25.529		5.106			x				x
260	Máy tính chuyên dùng OptiPlex 3000 SFF	Phòng Thông kê Công nghiệp và Xây dựng (Trụ sở chính)	1	25.529	25.529		5.106			x				x
261	Máy tính chuyên dùng OptiPlex 3000 SFF	Phòng Thông kê Nông nghiệp và Xã Hội (Trụ sở chính)	1	25.529	25.529		5.106			x				x
262	Máy tính chuyên dùng OptiPlex 3000 SFF	Phòng Thông kê Tổng hợp (Trụ sở chính)	1	25.529	25.529		5.106			x				x
263	Máy tính chuyên dùng OptiPlex 3000 SFF	Thông kê cơ sở Vạn Ninh	1	25.529	25.529		5.106			x				x
264	Máy tính chuyên dùng OptiPlex 3000 SFF	Thông kê cơ sở Ninh Hòa	1	25.529	25.529		5.106			x				x
265	Máy tính chuyên dùng OptiPlex 3000 SFF	Phòng Tổ chức - Hành chính (Trụ sở chính)	1	25.529	25.529		5.106			x				x
266	Máy pho to	Thông kê cơ sở Ninh Phước	1	75.000	75.000									x
267	UPS -1 pha -3kVA/2700W, 208/220/230/240Vac	Phòng Máy Chủ (Cơ sở 2)	1	28.400	28.400		17.040							x

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)



Bạch Thị Ánh Tuyết

Ngày 12. tháng 01. năm 2026



Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Lê Thị Trúc Phương

Bộ, tỉnh: Tỉnh Khánh Hòa
Cơ quan quản lý cấp trên:
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Thống kê Tỉnh Khánh Hòa
Mã đơn vị: 1162787
Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

Mẫu số 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2025

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác															

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)



Bạch Thị Ánh Tuyết

Ngày ~~11~~ tháng 01. năm 2026
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Lê Thị Trúc Phương